TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 18-07-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁNNHÂN DÂN KHU VỰC 2 - BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim.

Ông Nguyễn Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 07 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 120/2025/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HS ngày 05/7/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Xuân H**, sinh năm 1997 tại Tuyên Quang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: xóm C, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là xóm C, phường N, tỉnh Tuyên Quang); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Công H1, sinh năm 1973 và bà Triệu Thị T, sinh năm 1976; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 15/3/2025 đến ngày 21/3/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh) cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 07/6/2025 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Vàng Thị T1, sinh năm 1998

Nơi cư trú : Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. (nay là thôn Đ, xã Y, tỉnh Sơn La). (vắng mặt).

Nơi tạm trú : Tổ dân phố T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nay là Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Bắc Ninh).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1993. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn G, xã B, tỉnh Bắc Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Xuân H, sinh năm 1997, trú tại xóm C, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là xóm C, phường N, tỉnh Tuyên Quang) làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn F (viết tắt là Công ty F), thuộc Khu công nghiệp Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang từ tháng 02/2025.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11/3/2025, sau khi nghỉ ăn cơm giữa ca làm việc xong, H đi đến khu vực tủ đồ cá nhân của công nhân đặt bên ngoài cửa xưởng sản xuất I03 Công ty F để cất đồ cá nhân trước khi vào xưởng làm việc tiếp. Tại đây, H phát hiện tủ để đồ cá nhân số 27 của chị Vàng Thị T1, sinh năm 1998, trú tại thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La không khóa, cánh tủ chỉ khép hờ. Thấy xung quanh không có người, H lén lút mở tủ đồ cá nhân của chị T1 để trộm cắp tài sản. H dùng tay lấy trộm được bên trong tủ của chị T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13-128GB, màu hồng, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel, vỏ ốp bằng nhựa dẻo màu trắng là tài sản của chị T1 cất giấu vào tủ đồ số 29 của H rồi khóa tủ lại, đi vào xưởng làm việc bình thường. Khoảng 19 giờ cùng ngày, hết giờ làm việc, H ra tủ đồ cá nhân của H lấy điện thoại di động trộm cắp của chị T1 trước đó cất giấu vào trong người rồi mang về phòng trọ của H đang thuê trọ tại tổ dân phố L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 10 giờ ngày 12/3/2025, H tháo ốp điện thoại, thẻ sim điện thoại trộm cắp của chị T1 ra để ở phòng trọ. Tiếp đó, H mang điện thoại di động trộm cắp của chị T1 đi đến cửa hàng điện thoại "Sao Biển" ở số nhà E, khu S, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, do anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1993, trú tại thôn G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang làm chủ để bán. Tại đây, H nói dối điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13-128GB trộm cắp của chị T1 là tài sản của H rồi bán cho anh B lấy 1.900.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán điện thoại trộm cắp có được, H chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 14/3/2025, chị Vàng Thị T1 trình báo Đồn Công an Q về việc bị mất trộm chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13-128GB khi để tại Công ty như nêu trên.

Ngày 15/3/2025, thấy hành vi phạm tội đã bị phát hiện, Đặng Xuân H đến Đồn Công an Quang C đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 của chị T1 vào ngày 11/3/2025 nêu trên. Cùng ngày 15/3/2025, Đồn Công an Q thu giữ của anh Nguyễn Đình B: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13-128GB, màu hồng cùng 01 hóa đơn bán hàng do Đặng Xuân H viết khi bán điện thoại di động nêu trên cho anh B; 01 thẻ nhớ màu đen, loại 16GB bên trong có hình ảnh video ghi lại việc H bán điện thoại di động trên cho anh B do Camera của cửa hàng ghi lại.

Đồn Công an Q tiến hành cho anh B nhận dạng qua ảnh đối với Đặng Xuân H, kết quả: anh B nhận dạng được H là người đã bán điện thoại Iphone 13- 128GB, màu hồng cho anh B ngày 12/3/2025.

Đồn Công an Q tiến hành rà soát, thu giữ được tại Camera an ninh lắp đặt ở khu vực tủ để đồ công nhân ở xưởng I03 Công ty Fukang Technology toàn bộ hình ảnh video ghi lại việc H trộm cắp điện thoại di động trong tủ để đồ của chị T1 vào ngày 11/3/2025 nêu trên. Sau đó, Đ Công an Q bàn giao H cùng vật chứng và tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Xuân H tại tổ dân phố L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; kết quả thu giữ trong phòng: 01 thẻ sim điện thoại, một mặt có chữ 4G Viettel; 01 chiếc ốp điện thoại di động bằng nhựa dẻo, màu trắng là tài sản trộm cắp của chị T1 vào ngày 11/3/2025. Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại di động thu giữ của anh B, kết quả mật khẩu mở màn hình và trong điện thoại có thông tin dữa liệu trùng khớp với thông tin chị T1 cung cấp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 37 ngày 18/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V kết luận tổng trị giá tài sản chị T1 bị trộm cắp ngày 11/3/2025 là 9.035.000 đồng, trong đó: 01 điện thoại di động Iphone 13-128GB, màu hồng trị giá 9.000.000 đồng, 01 phôi sim Viettel trị giá 25.000 đồng, 01 ốp điện thoại di động bằng nhựa dẻo, màu trắng trị giá 10.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại di động, thẻ sim, vỏ ốp điện thoại thu giữ nêu trên cho chị T1; trả lại 01 hóa đơn mua bán điện thoại và 01 thẻ nhớ màu đen, loại 16GB của anh Nguyễn Đình B giao nộp cho anh B nhưng anh B từ chối nhận lại, được đưa vào hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Chị T1 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, anh B đã được bị cáo H bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Hiện tại anh B, chị T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự.

Tại cơ quan điều tra, Đặng Xuân H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 119/CT-VKS ngày 05/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) truy tố bị cáo Đặng Xuân H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua tranh tụng tại phiên toà, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Đặng Xuân H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

* Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Xuân H từ 07 đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Xuân H cho UBND phường N, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Đặng Xuân H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có tranh luận gì

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án do Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang thụ lý. Tuy nhiên, căn cứ Điều 3, Điều 4 Nghị quyết 81/2025/ UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp khu vực thì Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh được thành lập từ ngày 01/7/2025 và được kế thừa quyền, nghĩa vụ của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Do vậy Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại chị Vàng Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình B đã được Tòa án tống

đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra, chị T1 và anh B đã có lời khai đầy đủ và được lưu trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 và anh B theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có vi phạm gì. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, các đương sự không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Tại phiên toà bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11/3/2025, tại khu vực tủ đồ cá nhân của công nhân ở cửa xưởng sản xuất I03 Công ty F, địa chỉ ở Khu công nghiệp Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; lợi dụng tủ đồ số 27 của chị Vàng Thị T1, sinh năm 1998, trú tại thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La không khóa, xung quanh không có người; Đặng Xuân H đã lén lút trộm cắp được trong tủ 01 điện thoại di động Iphone 13-128GB, màu hồng trị giá 9.000.000 đồng, trong lắp 01 thẻ sim di động V (phôi sim) trị giá 25.000 đồng, vỏ ốp điện thoại di động bằng nhựa dẻo, màu trắng trị giá 10.000 đồng của chị T1. Tổng trị giá tài sản Đặng Xuân H trộm cắp của chị Vàng Thị T1 là 9.035.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đặng Xuân H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Vì vậy, Cáo trạng số 119/CT-VKS ngày 05/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) truy tố bị cáo Đặng Xuân H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện giao nộp lại tài sản trả lại cho bị hại, bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và ra đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên cần có hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; quá trình sinh sống, học tập, lao động tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của địa phương; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với chính sách khoan hồng của Nhà nước được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên cần chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo H hiện nay không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã thu hồi được tài sản trả lại cho bị hại. Bị hại chị Vàng Thị T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình B số tiền 2.000.000 đồng nay anh B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Do vậy HĐXX không xem xét.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với Đối với anh Nguyễn Đình B là người mua chiếc điện thoại do bị cáo H trộm cắp mà có: Anh B không biết điện thoại di động mua của H là tài sản trộm cắp có được nên không vi phạm pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13-128GB, màu hồng, 01 phôi sim Viettel, 01 ốp điện thoại di động bằng nhựa dẻo, màu trắng. Quá trình điều tra, xác định là tài sản hợp pháp của chị Vàng Thị T1, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Đặng Xuân H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Xuân H 08 (tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Xuân H cho UBND phường N, tỉnh Tuyên Quang trực tiếp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Đặng Xuân H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Linh Chi